

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 610/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 30-3-2021

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Mai Trâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chí Quý
2. Bà Phan Thị Hoa

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đậu Thị Hải Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Quốc Phong- kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1078/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1980 (có mặt).

Địa chỉ: đường A, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ: đường A, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông P tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2002 và được Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 05/02/2002.

Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông P sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc nhưng vì con còn nhỏ nên bà H cố gắng chịu đựng để cùng chăm lo cho các con, mấy năm trở lại đây vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Xét không còn tình cảm, không thể sống chung với nhau được nữa vì vậy bà H yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn L, sinh ngày: 04/02/2004 và Nguyễn Đ, sinh ngày: 26/11/2012. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 16/12/2020 bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: ông thống nhất với ý kiến của bà H về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vấn đề tài chính trong gia đình, ông muốn vợ chồng hòa thuận để cùng nuôi dạy các con. Trường hợp bà H giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì ông P cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn L, sinh ngày: 04/02/2004 và Nguyễn Đ, sinh ngày: 26/11/2012. Trường hợp phải ly hôn, ông P đồng ý giao 02 con chung do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/con cho đến khi các con chung lần lượt đủ tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Tại phiên tòa: nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Văn P không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng sống chung để cùng nuôi dạy các con. Trường hợp phải ly hôn ông P đồng ý giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/con cho đến khi các con chung lần lượt đủ tròn 18 tuổi.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thể hiện mâu thuẫn giữa bà H và ông P đã trầm trọng dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn L, sinh ngày: 04/02/2004 và Nguyễn Đ, sinh ngày: 26/11/2012, ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/con cho đến khi các con chung lần lượt đủ tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn P, ông P có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức, do đó đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 05/02/2002 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn P. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp.

[2.2] Theo lời khai của bà H, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do quan điểm bất đồng, ông P sống không có trách nhiệm với gia đình, mâu thuẫn về vấn đề

tài chính, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Khoảng 5 năm nay, vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai.

Theo ông P nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do quan điểm bất đồng và do vấn đề tài chính, khoảng 01 năm nay, vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai.

[2.3] Hội đồng xét xử xét tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng thương yêu, quý trọng và cùng có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ khi bà H nộp đơn khởi kiện ly hôn, ông P muốn vợ chồng hòa thuận để cùng nhau nuôi dạy các con nhưng lại không có biện pháp gì để hàn gắn gia đình, Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông P vắng mặt, mặc khác tại bản tự khai ngày 16/12/2020 ông P trình bày giữa ông P và bà H không thể hòa giải được vì quan điểm bất đồng, tại phiên tòa ông P cũng xác nhận khoảng 01 năm nay vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Xét, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung thực sự không còn, nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Về con chung: xét 02 con chung tên Nguyễn L, sinh ngày: 04/02/2004 và Nguyễn Đ, sinh ngày: 26/11/2012, 02 trẻ đều có nguyện vọng được sống với mẹ, tại bản tự khai ngày 16/12/2020 và tại phiên tòa ông P trình bày trường hợp phải ly hôn 02 con chung do mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/con cho đến khi các con chung lần lượt đủ tròn 18 tuổi. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của người con được sống ổn định, được phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần. Căn cứ Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao 02 chung Nguyễn L, sinh ngày: 04/02/2004 và Nguyễn Đ, sinh ngày: 26/11/2012 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/con cho đến khi các con chung lần lượt đủ tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: đương sự khai không có.

Như vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 là phù hợp.

- Về án phí sơ thẩm: bà Hồng phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và được cân trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2019/0047100 ngày 17/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 9. Ông P phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 117 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/02/2002 cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn P không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn L, sinh ngày: 04/02/2004 và Nguyễn Đ, sinh ngày: 26/11/2012, ông Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/con cho đến khi các con chung lần lượt đủ tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: đương sự khai không có.

2. Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và được cấp trả tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2019/0047100 ngày 17/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 9. Ông Nguyễn Văn P phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

***Nơi nhận:***

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. Thủ Đức
- Chi cục THADS Tp. Thủ Đức;
- UBND P. Bình Trưng Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Mai Trâm**